

# DẠY HỌC TRỰC TUYẾN ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI DỊCH COVID - 19 TẠI BỘ MÔN TIẾNG ANH, HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THỊ HỒNG MẾN

Học viện Chính sách và Phát triển

Ngày nhận bài: 24/11/2020; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 27/11/2020; Ngày duyệt đăng: 03/12/2020

## ABSTRACT

*As a result of the strong development of science and technology, online learning is becoming the new trend of education in the 4.0 era. Especially, in the period of social isolation due to the epidemic, thanks to the switch to online learning, the teaching process was not interrupted. The article mentions the implementation of online learning at the Department of Foreign Languages - Academy of Policy and Development during the 19 covid pandemic, outlining the achievements and some limitations that need to be overcome in the future.*

**Key words:** E-learning, social isolation, achievements, limitations.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học trực tuyến (E-learning) là phương pháp học đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... từ rất lâu. Còn tại Việt Nam, một bộ phận không nhỏ người học cũng đã được tiếp cận với hình thức học tiên bộ này. Nhiều kênh truyền hình học đường đã được mở ra cùng với website cung cấp các bài giảng ôn thi đại học miễn phí, thu hút một số lượng rất lớn học sinh tham gia.

E-learning đã chứng tỏ nhiều ưu điểm vượt trội so với phương pháp dạy học truyền thống, đặc biệt trong thời đại phát triển của công nghệ AI. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng học trực tuyến giúp tiết kiệm 50 - 70% chi phí, 40 - 60% thời gian so với cách học truyền thống [10, tr.6].

Đặc biệt khi đại dịch Covid-19 xảy ra, hàng triệu người phải thực hiện cách ly xã hội, mọi mặt của đời sống xã hội bị gián đoạn, lúc này E-learning mới thực sự phát huy hiệu quả và chứng tỏ được vai trò to lớn của nó trong giáo dục. Bộ môn Ngoại ngữ, Học viện Chính sách và Phát triển đã ngay lập tức áp dụng E-learning thay thế cho phương pháp giảng dạy truyền thống, nhờ thế quá trình giảng dạy không bị gián đoạn.

## II. KHÁI NIỆM E-LEARNING

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về E-learning, nhưng cách hiểu cơ bản đó là một phương thức phân phối các tài liệu, nội dung học tập dựa trên các công cụ điện tử hiện đại như: điện thoại, máy tính thông qua mạng Internet. Trong đó, nội dung tài liệu học tập có thể được cập nhật từ các website trường học trực tuyến và các ứng dụng di động khác [1, tr.5]. Đặc điểm vượt trội của đào tạo qua mạng đó chính là tính tương tác cao và đa dạng giữa người dạy và người học. Theo tính năng đó, người dạy và người học có thể trao đổi trực tiếp với nhau thông qua các ứng dụng: chat, Email, diễn đàn, hội thảo trực tuyến,...

## III. ƯU, NHƯỢC ĐIỂM CỦA HỌC TRỰC TUYẾN

Hình thức E-learning có nhiều ưu điểm vượt trội, tuy nhiên cũng tồn tại một số nhược điểm nhất định. Valentina Arkorful and Nelly Abaidoo (2015) và một số tác giả đã chỉ ra học trực tuyến có những ưu, nhược điểm sau:

### 1. Ưu điểm

- Có thể linh hoạt khi xem xét các vấn đề về thời gian và địa điểm.

Khi học trực tuyến, mỗi học sinh đều có thể linh hoạt lựa chọn địa điểm và thời gian phù hợp với mình [9, tr.12].

- E-learning nâng cao hiệu quả của kiến thức và trình độ thông qua việc dễ dàng truy cập vào một lượng thông tin khổng lồ [10, tr.35].

- E-learning có thể tăng mối quan hệ giữa những người học bằng cách sử dụng các diễn đàn để thảo luận. Thông qua đó, nó giúp loại bỏ các rào cản gây khó khăn cho việc tham gia học tập bao gồm cả nỗi sợ hãi khi nói chuyện với những người học khác. E-learning thúc đẩy học sinh tương tác với những người khác, cũng như trao đổi và tôn trọng những điểm khác nhau của mỗi người [8, tr.17].

- E-learning giảm chi phí đi lại của người dạy và người học, đồng thời mang lại hiệu quả khi một số lượng lớn người học có thể tham gia học tập trong một lớp học.

- E-learning luôn xem xét sự khác biệt của từng người học. Một số chẳng hạn, người học thích tập trung vào một số phần nhất định của khóa học, trong khi những người khác chuẩn bị để xem xét toàn bộ khóa học.

- E-learning giúp bù đắp cho sự khan hiếm của đội ngũ giáo viên, bao gồm cả người hướng dẫn hoặc giáo viên cũng như người điều hành, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm,...

- Các tác giả Marc, (2002); Klein and Ware, (2003) đã chỉ ra, sử dụng E-learning cho phép tự điều chỉnh nhịp độ, do đó làm tăng sự hài lòng và giảm căng thẳng của người học.

### 2. Nhược điểm

- E-learning như một phương pháp giáo dục khiến người học trải qua những chiêm nghiệm, sự xa cách, cũng như thiếu sự tương tác hoặc mối quan hệ trực tiếp. Do đó, nó đòi hỏi người học phải có một động lực và kỹ năng quản lý thời gian để giảm những ảnh hưởng đó.

- Đối với việc làm rõ, giải thích và diễn giải, E-learning có thể kém hiệu quả hơn các phương pháp học truyền thống. Quá trình học tập sẽ dễ dàng hơn nhiều khi người học đối mặt với người hướng dẫn hoặc giáo viên.

- Khi đề cập đến việc cải thiện kỹ năng giao tiếp của người học, E-learning có thể có ảnh hưởng xấu. Mặc dù người học có thể có kiến thức học thuật xuất sắc, họ có thể không có các kỹ năng cần thiết để cung cấp kiến thức thu được của họ cho người khác [4, tr.19].

- Vì các bài kiểm tra, đánh giá trong E-learning thường được giám sát bởi proxy, nó có thể khó, nếu không muốn nói là không thể kiểm soát hoặc điều chỉnh các hoạt động như gian lận.

- E-learning cũng có thể bị vi phạm bản quyền, đạo văn, gian lận, kỹ năng lựa chọn không đầy đủ và việc sử dụng sao chép không thích hợp.

- E-learning có thể tác động tiêu cực đến các kỹ năng xã hội hóa và hạn chế vai trò của người hướng dẫn.

- Không phải ngành học nào cũng có thể sử dụng hiệu quả E-learning trong giáo dục. Ví dụ, khoa học các lĩnh vực đòi hỏi kinh nghiệm thực tế có thể khó học hơn học điện tử. Các nhà nghiên cứu đã lập luận rằng, E-learning thích hợp hơn trong khoa học xã hội và khoa học nhân văn hơn là các lĩnh vực như khoa học y tế và kỹ thuật, nơi cần phải phát triển các kỹ năng thực hành [8, tr.27].

- Theo Collins và cộng sự, (1997); Klein and Ware, (2003); Hameed và cộng sự, (2008); Almosa, (2002); Akkoyuklu & Soyulu, (2006); Lewis, (2000); Scott và cộng sự, (1999); Marc, (2002), E-learning cũng có thể dẫn đến tắc nghẽn khi sử dụng nhiều trang web. Điều này có thể mang lại về chi phí không lường trước được cả về thời gian và tiền bạc.

#### IV. VIỆC TRIỂN KHAI E-LEARNING THỜI KỲ COVID-19 TẠI BỘ MÔN NGOẠI NGỮ, HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

##### 1. Tổ chức thực hiện

Ngay từ khi nhận được thông báo GV và SV các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn Hà Nội phải nghỉ học để phòng chống dịch, Ban Giám đốc cùng với lãnh đạo các đơn vị đã chủ động bàn bạc và thống nhất áp dụng E-learning để duy trì hoạt động dạy - học tại Học viện. Nhà trường đã khẩn trương triển khai hệ thống LMS (Learning Management System - Hệ thống quản lý học trực tuyến), đồng thời kết hợp mua các tài khoản ứng dụng Zoom để hỗ trợ GV tổ chức giảng dạy trực tuyến. Ngay ngày 14 tháng 2, Nhà trường tổ chức hội thảo và mời chuyên gia về đào tạo, hướng dẫn GV sử dụng các ứng dụng giảng dạy trực tuyến để GV làm quen và sử dụng thành thạo các ứng dụng này vào dạy học. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng hỗ trợ kinh phí cho SV mua gói data 4G để duy trì học trực tuyến. Giám đốc Học viện nhân mạnh không được đề công tác giảng dạy bị gián đoạn, Nhà trường hỗ trợ tối đa cho thầy và trò trong giai đoạn nghỉ phòng chống dịch.

Ngày 17 tháng 2 những lớp học trực tuyến đã bắt đầu với 2 phương pháp chính là sử dụng hệ thống LMS kết hợp giảng dạy trực tuyến bằng ứng dụng Zoom. Trong tuần đầu dạy học trực tuyến, Nhà trường bố trí một đội ngũ kỹ thuật viên và chuyên gia trực tại Học viện trong thời gian giảng dạy để sẵn sàng hỗ trợ cho GV và SV khi có sự cố xảy ra.

Với sự hỗ trợ của CNTT, các GV có thể tổ chức, quản lý, theo dõi, phân công nội dung - hoạt động giảng dạy - học tập của SV trên LMS. Ngoài ra, SV còn được nghe GV giảng bài và tương tác trực tiếp với GV, đặt/trả lời câu hỏi, xem video/powerpoint trên ứng dụng Zoom. Bên cạnh những tiết học trực tuyến, người học cũng được tăng cường nâng cao kiến thức qua các bài tập cá nhân/bài tập nhóm mà GV giao kèm.

##### 2. Thuận lợi và kết quả đạt được

- Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc, sự vào cuộc đồng bộ của các đơn vị trong Trường như Phòng Đào tạo, Trung tâm CNTT, thư viện và Truyền thông, các phòng ban, khoa đào tạo, đặc biệt là sự thích ứng nhanh chóng của GV và SV nên việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy kịp thời trong giai đoạn cách ly xã hội do dịch Covid-19 đã phát huy hiệu quả.

- Nhà trường đã tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy tất cả GV tự nâng cao năng lực sử dụng CNTT vào giảng dạy. Trên các diễn đàn lớn nhỏ của Bộ môn Ngoại ngữ nói riêng và Học viện Chính sách và

Phát triển nói chung, các GV sôi nổi hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các phần mềm hay trong dạy học cho nhau. Điều này giúp GV tự ý thức được việc trau dồi kiến thức để làm chủ CNTT nhằm nâng cao hiệu quả dạy học, khai thác tốt nguồn tài nguyên mạng, đồng thời ứng phó một cách linh hoạt với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh.

- Đặc biệt, các GV Bộ môn Ngoại ngữ vốn có thể mạnh trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy, họ không chỉ sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học do trường triển khai mà còn rất sáng tạo trong việc kết hợp các ứng dụng miễn phí khác nhau như Kahoot, Liveworksheet, Lino, Quizzz, Google Forms để thiết kế các hoạt động tổ chức giờ học trực tuyến đạt hiệu quả, tạo được hứng thú cho người học.

- Trong quá trình dạy học, lãnh đạo Bộ môn Ngoại ngữ và GV thường xuyên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, nắm bắt tình hình, rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế còn tồn đọng nên việc giảng dạy của GV khá đồng nhất và thông suốt.

- Bên cạnh đó, SV Học viện cũng có trình độ CNTT khá tốt nên việc triển khai hệ thống LMS và Zoom đến người học tương đối thuận lợi. Đa số SV nắm bắt và sử dụng thành thạo các ứng dụng này ngay từ tuần đầu tiên.

- Nhờ những thuận lợi nêu trên mà Học viện Chính sách và Phát triển đã triển khai giảng dạy trực tuyến 100% các môn học trong TKB học kỳ 2 ngay sau khi có lệnh cách ly xã hội, đảm bảo đúng tiến độ kết thúc tổ chức giảng dạy học kỳ 2 như dự kiến đã đề ra từ đầu năm học. Việc dạy học trực tuyến đảm bảo chất lượng, hiệu quả, nhận được phản hồi tích cực từ GV, các bậc phụ huynh và SV. Nhà trường đã tổ chức hội thảo đối với GV và SV, tiến hành lấy ý kiến phản hồi của GV và SV về công tác dạy học trực tuyến để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhằm phát huy tối đa hiệu quả của CNTT trong dạy học, không chỉ trong giai đoạn cách ly mà trong cả quá trình giảng dạy sau này. Kết quả cho thấy, đa số đối tượng khảo sát hài lòng với công việc dạy - học trên LMS và Zoom trong giai đoạn cách ly xã hội.

##### 3. Một số khó khăn gặp phải trong dạy trực tuyến

Mặc dù có khá nhiều thuận lợi trong dạy trực tuyến thời kỳ cách ly xã hội song vẫn còn tồn tại một số khó khăn cần khắc phục, cụ thể:

- Một số SV ở vùng sâu, vùng xa thiếu phương tiện và điều kiện học tập. Đề học trực tuyến SV cần phải có máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối Internet. Song thực tế, không phải SV nào cũng đáp ứng được điều kiện này.

- Do thời gian nghỉ dịch có quá nhiều người cùng truy cập vào ứng dụng Zoom nên đôi khi nghẽn mạng, bài giảng bị gián đoạn do SV thường xuyên bị thoát ra khỏi Zoom và GV cũng bị phân tán khi vừa giảng vừa phải để ý xem có SV nào xin vào lại lớp thi cho phép.

- Sự bảo mật thông tin người dùng Zoom không được cao, rất dễ bị hacker lợi dụng chiếm đoạt tài khoản và thông tin cá nhân. Thời gian đầu dùng Zoom, lớp học thường xuyên bị các hacker xâm nhập vào phá rối, phát tán những hình ảnh, lời nói, video không đúng thuần phong mỹ tục vào lớp.

- SV học online không được tương tác trực tiếp với thầy cô và bạn bè nên đôi khi cảm thấy nhàm chán, thiếu vận động, đặc biệt là với môn Ngoại ngữ cần người nói thể hiện cả ngôn ngữ hình thể, ánh mắt, cử chỉ ... trong quá trình giao tiếp.

- GV khó kiểm soát được hành vi và thái độ học tập của từng SV trong quá trình giảng dạy. Đôi khi, SV đăng nhập vào lớp điem danh xong ra ngoài làm việc riêng hoặc vừa học vừa mở các cửa sổ khác để chơi game.

- Gian lận trong thi cử cũng là vấn đề đáng lo ngại do một số SV

( Xem tiếp trang 19)

học tìm tòi, khám phá để lĩnh hội tri thức dưới sự chỉ đạo, điều khiển của giảng viên.

Đề nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của mình, trước hết mỗi sinh viên cần phải xây dựng phương pháp tự học hiệu quả, khoa học; có như vậy thì phương pháp tự học, tự nghiên cứu mới thực sự là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, sinh viên phải có hệ thống kỹ năng tự học như: kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng tự đặt và giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tổng hợp... Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sinh viên, bởi lẽ muốn có kỹ năng nghề nghiệp trước hết phải có kỹ năng làm việc độc lập, trên cơ sở phát huy tính tích cực nhận thức để chiếm lĩnh hệ thống tri thức.

Để góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thì đội ngũ giảng viên cần khơi dậy sự say mê, hứng thú học tập để từ đó kích thích sinh viên tự tìm tòi, tự chiếm lĩnh tri thức. Giảng viên cần phải thường xuyên giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên và có biện pháp kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên phương pháp để học tập có hiệu quả. Ở mức độ cao hơn, giảng viên có thể tập dượt cho sinh viên nghiên cứu khoa học với những đề tài phù hợp với thời gian, môn học và năng lực của sinh viên theo các năm học, càng về sau mức độ càng cao hơn.

#### Chú thích

- (1) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.361.
- (2) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 4 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.40.
- (3) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.208.
- (4) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 13 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.269 - 270.
- (5) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 7 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.179.
- (6) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 7 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.120 - 130.
- (7) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 11 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.399 - 400.
- (8) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 12 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.527 - 528.
- (9) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 15 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.112.
- (10) (11) (12) (13) Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.117, 128, 128-129, 142.
- (14) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.113-114

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
2. Võ Nguyên Giáp (2003), Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

## DAY HỌC TRỰC TUYẾN...

(Tiếp theo trang 53)

vừa làm bài, vừa tra đáp án trên mạng hoặc chia sẻ đáp án với nhau trong quá trình làm bài.

#### V. KẾT LUẬN

Nhìn chung, ứng dụng E-learning ở Bộ môn Ngoại ngữ nói riêng và Học viện Chính sách và Phát triển nói chung không chỉ mang lại nhiều lợi ích to lớn trong quá trình dạy học mà còn là giải pháp cấp thiết giúp Nhà trường đảm bảo đúng tiến độ dạy học trong giai đoạn cách ly xã hội do dịch Covid-19 gây ra thời gian qua. Trong quá trình triển khai, Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt, đồng thời lãnh đạo Nhà trường và CB, GV cùng với SV và các bậc phụ huynh đã đồng lòng, chung tay hưởng ứng để hoạt động dạy - học được thông suốt cho dù trường có phải đóng cửa do dịch bệnh. Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ thông tin hiện nay, E-Learning ngày càng được ưa chuộng và có chỗ đứng vững chắc trong hệ thống giáo dục bởi tính linh hoạt và tiện dụng về thời gian cũng như địa điểm giúp giảm thiểu chi phí, tiết kiệm thời gian, chủ động trong học tập. Mặc dù, giảng dạy trực tuyến thời gian qua còn tồn tại một vài hạn chế nhưng tập thể GV Bộ môn Ngoại ngữ đã cố gắng khắc phục các nhược điểm, phát huy tối đa ưu điểm của CNTT để khai thác tốt nguồn tài nguyên mạng và những thành tựu khoa học giúp nâng cao chất lượng dạy - học tại Học viện Chính sách và Phát triển.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akkoyuklu, B. & Soylu, M. Y. (2006). A study on students' views on blended learning environment. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 7(3), ISSN 1302-6488.
2. Almosa, A. (2002). *Use of Computer in Education*, (2nd ed), Riyadh: Future Education Library.
3. Collins, J., Hammond, M. & Wellington, J. (1997). *Teaching and Learning with Multimedia*, London: Routledge.
4. Hameed, S. Badii, A. & Cullen, A. J. (2008). Effective e-learning integration with traditional learning in a blended learning environment. *European and Mediterranean conference on information system*, pp. 25-26.
5. Klein, D. & Ware, M. (2003). E-learning: new opportunities in continuing professional development. *Learned publishing*, 16 (1), pp. 34-46.
6. Lewis, N. J. (2000). The Five Attributes of Innovative E-Learning. *Training and Development*, Vol. 54, No. 6, pp. 47-51.
7. Marc, J. R. (2002). Book review: e-learning strategies for delivering knowledge in the digital age. *Internet and Higher Education*, No 5, pp. 185-188.
8. Scott B., Ken C. H. & Edwin M. G. (1999). The Effects of Internet-Based Instruction on Student Learning. *Journal of Asynchronous Learning Network*, Vol. 3, No. 2, pp. 98-106.
9. Smedley, J.K. (2010). Modelling the impact of knowledge management using technology. *OR Insight* (2010) 23, pp. 233-250.
10. Valentina Arkorful and Nelly Abaidoo Ghana (2015). The role of e-learning, advantages and disadvantages of its adoption in higher education. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, January.